

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP HCM 2026

I. Phương thức tuyển sinh: có 5 phương thức:

1. Phương thức 1: tuyển thẳng, xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường (**mã phương thức xét tuyển 301**), bao gồm:

a) Thí sinh (*được tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đoạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia, quốc tế*) thuộc diện được “tuyển thẳng, xét tuyển thẳng” theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường, đăng ký học ngành đào tạo phù hợp với môn đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Bộ) tổ chức hoặc cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm theo quy định của Bộ; và **đã tốt nghiệp THPT trong năm 2026**. Cụ thể như sau:

(i) *Môn Ngữ văn, Toán và tiếng Anh:* đối với ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (dự kiến), ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế, ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Kinh tế số (dự kiến), ngành Thương mại điện tử (dự kiến) và ngành Công nghệ tài chính (dự kiến);

(ii) *Môn tiếng Nhật, tiếng Pháp và tiếng Trung:* đối với ngành Luật;

(iii) *Môn Vật lý:* đối với ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế, ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Kinh tế số (dự kiến), ngành Thương mại điện tử (dự kiến) và ngành Công nghệ tài chính (dự kiến);

(iv) *Môn Hóa học:* đối với ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế, ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Kinh tế số (dự kiến), ngành Thương mại điện tử (dự kiến) và ngành Công nghệ tài chính (dự kiến);

(v) *Môn Lịch sử:* đối với ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (dự kiến) và ngành Luật;

(vi) *Môn Địa lý:* đối với ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (dự kiến) và ngành Luật.

b) Thí sinh (*là người khuyết tật nặng; người dân tộc thiểu số rất ít người; thuộc 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; có nơi thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm tại trường phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú và tốt nghiệp*

THPT tại các huyện nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; người nước ngoài) thuộc diện được “xét tuyển thẳng” theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường;

c) Thí sinh (*đạt giải khuyến khích cấp quốc gia*) thuộc diện được “ưu tiên xét tuyển” theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường. **Điều kiện:**

(i) Môn đoạt giải phải có trong Tổ hợp môn đăng ký xét tuyển;

(ii) Có tổng số điểm của 03 môn thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 thuộc Tổ hợp môn đăng ký xét tuyển đạt từ 22,5 điểm trở lên (đã bao gồm điểm ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng chính sách), trong đó điểm của môn mà thí sinh đã đoạt giải khuyến khích phải đạt từ 7,0 điểm trở lên trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026;

(iii) Thời gian đoạt giải không quá 03 năm, tính đến năm nộp hồ sơ ưu tiên xét tuyển;

(iv) Chưa thực hiện việc xác nhận nhập học trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phương thức 2: xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp trung học phổ thông với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc kết quả Kỳ thi SAT của Mỹ (**mã phương thức xét tuyển 410**). Những chứng chỉ này hoặc kết quả Kỳ thi SAT nếu có quy định về thời hạn thì phải còn giá trị **đến ngày 30/6/2026** và đạt đủ các tiêu chí, điều kiện sau đây:

a) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;

b) *Thứ hai*, có **tổng điểm trung bình cộng** của 6 học kỳ THPT (*gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12*) của 03 môn thuộc Tổ hợp của ngành xét tuyển **đạt từ 22,5 trở lên** (*tổng điểm trung bình cộng này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*), trong đó kết quả học tập năm Lớp 12 của thí sinh phải có trọng số tính điểm xét không dưới 25%. Điểm của tiêu chí này **được quy đổi tương đương với** “tổng điểm của 03 môn (thuộc Tổ hợp xét tuyển) trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026”. Mức quy đổi tương đương được Trường xác định ngay sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố các số liệu thống kê về “*trọng quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT*”;

c) *Thứ ba*, có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (**tiếng Anh/ hoặc tiếng Pháp/ hoặc tiếng Nhật/ hoặc tiếng Trung**), hoặc có kết quả **Kỳ thi SAT**:

(i) Thí sinh phải đạt mức điểm như sau:

- Đối với **tiếng Anh**: IELTS đạt điểm từ **5,5 trở lên**, do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp; hoặc **TOEFL iBT** đạt điểm từ **65 trở lên**, do Educational Testing Service (ETS) cấp;

- Đối với **tiếng Pháp** (chỉ xét tuyển đối với ngành Luật): chứng chỉ **DELFL** đạt từ trình độ **B1 trở lên**; hoặc chứng chỉ **TCF** đạt điểm từ **300 trở lên/ 01 kỹ năng**. Hai loại chứng chỉ này phải do Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP) cấp;

- Đối với **tiếng Nhật** (chỉ xét tuyển đối với ngành Luật): chứng chỉ **JLPT** đạt từ trình độ **N3 trở lên**, do Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (*Japan Foundation - JF*) cấp, trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật;

- Đối với **tiếng Trung** (chỉ xét tuyển đối với ngành Luật): chứng chỉ **tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)** đạt từ trình độ **HSK3 trở lên**, do Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ và Hợp tác quốc tế (*Center for Language Education and Cooperation - CLEC*) thuộc Bộ Giáo dục Trung Quốc (*trước đây là Hanban*) cấp;

- Đối với kết quả **Kỳ thi SAT** (Scholastic Aptitude Test) của Mỹ: đạt điểm từ **1.150 điểm trở lên /1.600 điểm**.

(ii) Điểm của tiêu chí, điều kiện nêu trên được quy đổi thành điểm cộng (tối đa 3,0 điểm) để xét tuyển, cụ thể như sau:

(*) Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh và kết quả Kỳ thi SAT của Mỹ:

Stt	Điểm chứng chỉ IELTS	Điểm chứng chỉ TOEFL iBT	Kết quả Kỳ thi SAT của Mỹ	Điểm cộng
1	5.5	65 - 72	1150 - 1200	2,00
2	6.0	73 - 80	1210 - 1260	2,25
3	6.5	81 - 88	1270 - 1320	2,50
4	7.0	89 - 95	1330 - 1380	2,75
5	7.5 trở lên	96 trở lên	1390 trở lên	3,00

(**) Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Pháp, tiếng Nhật và tiếng Trung:

Stt	Điểm chứng chỉ tiếng Pháp (DELFL)	Điểm chứng chỉ tiếng Pháp (TCF)	Điểm chứng chỉ tiếng Nhật (JLPT)	Điểm chứng chỉ tiếng Trung (HSK)	Điểm cộng
-----	-----------------------------------	---------------------------------	----------------------------------	----------------------------------	-----------

1	B1	Tương đương B1	N3	HSK3	2,0
2	B2	Tương đương B2	N2	HSK4	2,5
3	C1 trở lên	Tương đương C1 trở lên	N1	HSK5	3,0

d) *Thứ tự*, môn chính trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển phải có trọng số tính điểm xét không dưới 25%; số môn chung trong Tổ hợp xét tuyển phải đóng góp ít nhất 50% trọng số tính điểm xét. Riêng đối với ngành Luật và ngành Luật thương mại quốc tế, môn chính trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển phải thỏa mãn cả 2 điều kiện sau đây: có trọng số tính điểm xét không dưới 25% và đạt tối thiểu là 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm và có số môn chung trong Tổ hợp xét tuyển phải đóng góp ít nhất 50% trọng số tính điểm xét.

Môn chính trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển được xác định như sau:

(i) Đối với các ngành đào tạo xét tuyển các tổ hợp gồm 03 môn, trong đó chỉ có môn Toán **hoặc** môn Ngữ văn thì “môn chính” trong Tổ hợp môn được xác định là môn Toán hoặc môn Ngữ văn;

(ii) Đối với các ngành đào tạo xét tuyển các tổ hợp gồm 03 môn, trong đó **có cả** môn Toán và môn Ngữ văn thì “môn chính” trong Tổ hợp môn được xác định như sau:

- Ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (dự kiến mở), ngành Luật và ngành Luật thương mại quốc tế: môn **Ngữ văn**;

- Ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Kinh tế số (dự kiến mở), ngành Thương mại điện tử (dự kiến mở) và ngành Công nghệ tài chính (dự kiến mở): môn **Toán**.

Môn chung trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển được xác định như sau:

(i) Đối với ngành Luật và ngành Luật thương mại quốc tế: môn tiếng Anh, hoặc tiếng Pháp, hoặc tiếng Nhật, hoặc tiếng Trung;

(ii) Đối với ngành Ngôn ngữ Trung Quốc: môn tiếng Anh, hoặc tiếng Trung;

(iii) Đối với các ngành còn lại: môn tiếng Anh.

3. Phương thức 3: xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp trung học phổ thông đối với thí sinh học tại các trường có tên trong “*Danh sách các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét*

tuyển năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh” (mã phương thức xét tuyển 200), đạt đủ các tiêu chí, điều kiện sau đây:

a) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;

b) *Thứ hai*, phải **học đủ 3 năm** tại một trong các trường có tên trong “*Danh sách các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*”; và có kết quả học tập của **từng năm** Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12 đạt **mức Tốt** (hoặc được xếp **loại giỏi** đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2024 trở về trước);

c) *Thứ ba*, có **tổng điểm trung bình cộng** của 6 học kỳ THPT (*gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12*) của 03 môn thuộc Tổ hợp của ngành xét tuyển **đạt từ 24,5 trở lên** (*tổng điểm trung bình cộng này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*), trong đó kết quả học tập năm Lớp 12 của thí sinh phải có trọng số tính điểm xét không dưới 25%. Điểm của tiêu chí này **được quy đổi tương đương với** “tổng điểm của 03 môn (thuộc Tổ hợp xét tuyển) trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026”. Mức quy đổi tương đương được Trường xác định ngay sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố các số liệu thống kê về “*tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT*”;

d) *Thứ tư*, môn chính và môn chung trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: thực hiện theo Mục 2 nêu trên.

4. Phương thức 4: xét tuyển thí sinh có kết quả Kỳ thi V-SAT (Standardized University Admissions Test for Vietnam) do các đơn vị khác tổ chức để xét tuyển (**mã phương thức xét tuyển 417**), đạt đủ các tiêu chí, điều kiện sau đây:

a) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;

b) *Thứ hai*, có **kết quả Kỳ thi V-SAT** do các đơn vị phối hợp với Trung tâm Khảo thí Quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục, Cục Quản lý chất lượng (sau đây gọi tắt là Trung tâm) tổ chức trong năm 2026. Điểm của từng môn thi/ bài thi trong Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT **được quy đổi tương đương với** điểm của từng môn thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026. Mức quy đổi tương đương được áp dụng theo bảng quy đổi do Trung tâm công bố, sau khi có kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026;

c) *Thứ ba*, môn chính và môn chung trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: thực hiện theo Mục 2 nêu trên.

5. Phương thức 5: xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (**mã phương thức xét tuyển 100**), đạt đủ các tiêu chí, điều kiện sau đây:

a) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;

b) *Thứ hai*, có kết quả thi của các môn thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 phù hợp với Tổ hợp môn đăng ký xét tuyển của Trường;

c) *Thứ ba*, thực hiện việc đăng ký xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung đảm bảo đúng, đủ, hết quy trình và trong thời hạn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) *Thứ tư*, nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng đăng ký bằng hình thức trực tuyến trong thời hạn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) *Thứ năm*, môn chính và môn chung trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: thực hiện theo Mục 2 nêu trên.

e) *Thứ sáu*, một số lưu ý: Trường **không sử dụng** kết quả miễn thi đối với môn thi ngoại ngữ trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026; **không sử dụng** điểm thi trong Kỳ thi THPT quốc gia, Kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước đó để xét tuyển; **không quy đổi** các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thành điểm môn ngoại ngữ để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển.

II. Tổ hợp môn, thang điểm và cách thức tính điểm xét tuyển

a) Tổ hợp môn (*gồm Tổ hợp của các môn trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và Tổ hợp của các môn cấp THPT đã được quy đổi điểm tương đương*) dùng để xét tuyển bao gồm 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của ngành đào tạo, trong đó phải có môn toán hoặc ngữ văn với trọng số tính điểm xét không dưới 25%; số môn chung của các tổ hợp phải đóng góp ít nhất 50% trọng số tính điểm xét. Cụ thể như sau:

(i) Đối với ngành Luật: môn Ngữ văn và môn ngoại ngữ (*gồm các ngôn ngữ: tiếng Anh, hoặc tiếng Pháp, hoặc tiếng Nhật, hoặc tiếng Trung*);

(ii) Đối với ngành Luật thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh: môn Ngữ văn và môn tiếng Anh;

(iii) Đối với ngành Ngôn ngữ Trung Quốc: môn Ngữ văn và môn ngoại ngữ (*gồm các ngôn ngữ: tiếng Anh, hoặc tiếng Trung*);

(iv) Đối với các ngành còn lại: môn Toán và môn tiếng Anh.

b) Thang điểm xét tuyển: điểm xét tuyển theo thang điểm 30;

c) Cách thức tính điểm xét tuyển (sau đây viết tắt ĐXT):

ĐXT = điểm Tổ hợp môn + điểm cộng (nếu có) + điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

- Điểm cộng: chỉ áp dụng đối với thí sinh xét tuyển theo Phương thức 2;

- Điểm ưu tiên (theo khu vực và/hoặc theo đối tượng chính sách): được xác định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. Ngành đào tạo, mã ngành đào tạo và Tổ hợp môn xét tuyển

Stt	Ngành đào tạo trình độ đại học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển/mã Tổ hợp môn	Chỉ tiêu
1.	Ngôn ngữ Anh (<i>chuyên ngành tiếng Anh pháp lý</i>)	7220201	1. Ngữ văn, tiếng Anh, Toán: D01; 2. Ngữ văn, tiếng Anh, Lịch sử: D14; 3. Ngữ văn, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: X78 (D66: Ngữ văn, tiếng Anh, Giáo dục công dân); 4. Ngữ văn, tiếng Anh, Địa lý: D15.	
2.	Luật	7380101	1. Ngữ văn; Ngoại ngữ, (D01: tiếng Anh, D03: tiếng Pháp, D04: tiếng Trung, D06: tiếng Nhật), Toán; 2. Ngữ văn, Ngoại ngữ (X78: tiếng Anh, X86: tiếng Pháp, X90: tiếng Trung, X98: tiếng Nhật), Giáo dục kinh tế và pháp luật (D66: Ngữ văn, tiếng Anh, Giáo dục công dân; D69: Ngữ văn, tiếng Nhật, Giáo dục công dân; D70: Ngữ văn, tiếng Pháp, Giáo dục công dân; D71: Ngữ văn, tiếng Trung, Giáo dục công dân); 3. Ngữ văn, Ngoại ngữ (D11: tiếng Anh, D53: tiếng Nhật, D54: tiếng Pháp; D55: tiếng Trung), Vật lý; 4. Ngữ văn, Ngoại ngữ (D12: tiếng Anh, D48: tiếng Nhật, D49: tiếng Pháp, D50: tiếng Trung), Hóa học;	

			<p>5. Ngữ văn, Ngoại ngữ (D14: tiếng Anh, D63: tiếng Nhật, D64: tiếng Pháp, D65: tiếng Trung), Lịch sử;</p> <p>6. Ngữ văn, Ngoại ngữ (D15: tiếng Anh, D43: tiếng Nhật, D44: tiếng Pháp, D45: tiếng Trung), Địa lý.</p>	
3.	Luật thương mại quốc tế	7380109	<p>1. Ngữ văn, tiếng Anh, Vật lý: D11;</p> <p>2. Ngữ văn, tiếng Anh, Toán: D01;</p> <p>3. Ngữ văn, tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật: X78 (D66: Ngữ văn, tiếng Anh, Giáo dục công dân);</p> <p>4. Ngữ văn, tiếng Anh, Hóa học: D12.</p>	
4.	Quản trị - Luật	7340102	<p>1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: A01;</p> <p>2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: D07;</p> <p>3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: D01;</p> <p>4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật: X25 (D84: Toán, tiếng Anh, Giáo dục công dân);</p> <p>5. Toán, tiếng Anh, Tin học: X26.</p>	
5.	Quản trị kinh doanh	7340101	<p>1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: A01;</p> <p>2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: D07;</p> <p>3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: D01;</p> <p>4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật: X25 (D84: Toán, tiếng Anh, Giáo dục công dân);</p> <p>5. Toán, tiếng Anh, Tin học: X26.</p>	
6.	Kinh doanh quốc tế	7340120	<p>1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: A01;</p> <p>2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: D07;</p>	

			<p>3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: D01;</p> <p>4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật: X25 (D84: Toán, tiếng Anh, Giáo dục công dân);</p> <p>5. Toán, tiếng Anh, Tin học: X26.</p>	
7.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	<p>1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: A01;</p> <p>2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: D07;</p> <p>3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: D01;</p> <p>4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật: X25 (D84: Toán, tiếng Anh, Giáo dục công dân);</p> <p>5. Toán, tiếng Anh, Tin học: X26.</p>	
8.	Kinh tế số (tuyển sinh từ năm 2026)	7310109	<p>1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: A01;</p> <p>2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: D07;</p> <p>3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: D01;</p> <p>4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật: X25 (D84: Toán, tiếng Anh, Giáo dục công dân);</p> <p>5. Toán, tiếng Anh, Tin học: X26.</p>	
9.	Thương mại điện tử (tuyển sinh từ năm 2026)	7340122	<p>1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: A01;</p> <p>2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: D07;</p> <p>3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: D01;</p> <p>4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật: X25 (D84: Toán, tiếng Anh, Giáo dục công dân);</p> <p>5. Toán, tiếng Anh, Tin học: X26.</p>	
10.	Công nghệ tài chính (tuyển	7340205	<p>1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: A01;</p>	

	<i>sinh từ năm 2026)</i>		<p>2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: D07;</p> <p>3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: D01;</p> <p>4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật: X25 (D84: Toán, tiếng Anh, Giáo dục công dân);</p> <p>5. Toán, tiếng Anh, Tin học: X26.</p>	
11.	Ngôn ngữ Trung Quốc (<i>tuyển sinh từ năm 2026</i>)	7220204	<p>1. Ngữ văn; Ngoại ngữ, (D01: tiếng Anh, D04: tiếng Trung), Toán;</p> <p>2. Ngữ văn, Ngoại ngữ (D14: tiếng Anh, D65: tiếng Trung), Lịch sử;</p> <p>3. Ngữ văn, Ngoại ngữ (X78: tiếng Anh, X90: tiếng Trung), Giáo dục kinh tế và pháp luật (D66: Ngữ văn, tiếng Anh, Giáo dục công dân; D71: Ngữ văn, tiếng Trung, Giáo dục công dân);</p> <p>4. Ngữ văn, Ngoại ngữ (D15: tiếng Anh, D45: tiếng Trung), Địa lý.</p>	